

Bản án số: 192/2022/DS-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
giữa bà P và ông H

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Phúc Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Nhì
2. Ông Lâm Hoàng Vũ

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 14/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HPT ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1966

Địa chỉ thường trú: Khu phố M, Phường H, thị xã K, tỉnh L.

Địa chỉ liên lạc: 21 Đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt tại phiên tòa)

**- *Bị đơn:*** Ông Dương Đạt H, sinh năm 1967

Địa chỉ thường trú: 218A đường H, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:*

Qua mối quan hệ họ hàng nên ngày 27/10/2017, bà P có cho ông Dương Đạt H vay số tiền là 1.400.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 để ông H làm vốn làm ăn, không có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán chậm nhất là

24 tháng kể từ ngày 27/10/2017. Đến ngày 16/11/2017, ông H có tự ghi cam kết trả lãi hàng tháng cho bà P theo lãi suất ngân hàng nhưng không ghi rõ lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông H không trả nợ gốc cũng như tiền lãi cho bà mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ nhưng ông H cố tình trốn tránh nghĩa vụ.

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, bà P yêu cầu ông H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết L phải có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi 88.200.000 đồng với lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 11/2017 cho đến khi khởi kiện là 63 tháng.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2022 và 04/8/2022 bà P xác định yêu cầu cá nhân ông H trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, không tiếp tục yêu cầu vợ ông H là bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông H.

Bị đơn ông Dương Đạt H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ, ông H cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022, bà Nguyễn Hoa L xác nhận bà là vợ của ông Dương Đạt H, bà xác nhận ông H đã bỏ đi khỏi địa phương, bà chỉ biết sự việc ông H có vay của bà P số tiền 750.000.000 đồng qua lời kể của bà P, ông H không nói với bà về việc có vay tiền của bà P và bà cũng không biết ông H vay tiền để làm gì. Ngoài ra bà không biết ông H có vay số tiền nào khác của bà P không, bà không có ký vào giấy tờ vay và không có sử dụng số tiền ông H vay của bà P.

Tại bản tự khai ngày 14/9/2022, ông Nguyễn Tấn Q là chồng bà Nguyễn Thị Bích P xác định số tiền 1.400.000.000 đồng bà P cho ông Dương Đạt H vay theo giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 là tài sản riêng của bà P, không liên quan đến ông Quang, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa:*

Bà P yêu cầu cá nhân ông H trả lại cho bà một lần tổng cộng số tiền 1.802.500.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 402.500.000 đồng với thời hạn 2 năm 10 tháng 18 ngày (tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày 15/9/2022) nhưng làm tròn thành 2 năm 10 tháng 15 ngày với mức lãi suất 10%/năm ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Dương Đạt H trả tiền lãi trong thời hạn vay từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019.

Hiện nay, bà P không biết họ tên chính xác của vợ ông H, chỉ biết từ trước đến nay gọi là Nguyễn Thị Tuyết L, việc bà L có thay đổi họ tên thành Nguyễn Hoa L hay không thì bà không rõ. Bà xác định bà L không có ký tên trên giấy mượn tiền, không trực tiếp nhận tiền mượn và đến khi bà đến nhà đòi nợ thì bà L mới biết việc bà cho ông H mượn tiền nên bà xác định không tiếp tục yêu cầu bà L cùng có

trách nhiệm liên đới trả nợ với ông H.

Bị đơn ông Dương Đạt H vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Dương Đạt H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Dương Đạt H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích P tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là 1.802.500.000đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.400.000.000đồng, tiền lãi chậm trả là 402.500.000đồng

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Dương Đạt H trả tiền lãi trong thời hạn vay tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1]-Thẩm quyền theo loại việc: Bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện ông Dương Đạt H yêu cầu thanh toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[2]-Thẩm quyền theo lãnh thổ: Theo Giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 có chữ ký của ông H trong hồ sơ vụ án thể hiện địa chỉ của ông H tại số 218A đường H, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 9, Quận 6 thể hiện “*Ông Dương Đạt H có hộ khẩu thường trú tại số 218A đường H, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H hiện không còn thực tế sinh sống tại địa phương từ năm 2017, không rõ đi đâu, không trình báo với công an phường*”. Như vậy, bà P đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông H được ghi trong Giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*”. Việc ông H thay đổi nơi cư trú mà không báo cho bà P biết địa chỉ nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án: Căn cứ vào thời điểm ông H không thanh toán khoản vay đến hạn theo thỏa thuận cho bà P từ ngày 28/10/2019. Ngày 19/3/2022 bà P gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 6, ngày gửi tính theo dấu bưu điện. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] -Về người tham gia tố tụng:

[4.1] – Bị đơn ông Dương Đạt H không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Đạt H.

[4.2] - Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022, bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu vợ ông Dương Đạt H là bà Nguyễn Thị Tuyết L phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ gốc và lãi phát sinh cùng với ông H. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập bà L lên Tòa làm việc. Bà L xác định bà là vợ của ông Dương Đạt H và có họ tên là Nguyễn Hoa L, không phải họ tên Nguyễn Thị Tuyết L như nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà L khai ông H đã bỏ đi trốn nợ từ năm 2017 và bà không có ký vào giấy vay tiền cũng như không biết việc ông H có vay tiền của bà P, bà không biết mục đích ông H vay tiền để làm gì, đồng thời bà không có sử dụng số tiền vay này. Bà chỉ biết việc ông H có vay của bà P số tiền 750.000.000đồng sau khi bà P đến nhà đòi tiền và kể lại sự việc.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2022, ngày 04/8/2022 và tại phiên tòa bà P xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Dương Đạt H trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho bà P, không tiếp tục yêu cầu vợ ông H là bà Nguyễn Thị Tuyết L (Nguyễn Hoa L) cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông H, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà L biết được giao dịch cho vay tiền giữa bà và ông H, đồng thời yêu cầu Tòa án không triệu tập bà Nguyễn Thị Tuyết L (Nguyễn Hoa L) tham gia tố tụng. Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà P trong việc không yêu cầu bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông H nên xét thấy việc xác minh thông tin họ tên chính xác của bà L là không cần thiết và không tiếp tục triệu tập bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4.3] - Ông Nguyễn Tấn Q là chồng bà Nguyễn Thị Bích P trình bày số tiền 1.400.000.000 đồng bà P cho ông Dương Đạt H vay theo giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 là tài sản riêng của bà P, không liên quan đến ông Q, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật nên xét thấy không cần thiết triệu tập ông Quang tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*Về nội dung:*

[1] – Về tiền nợ gốc: Bà Nguyễn Thị Bích P có cho ông Dương Đạt H vay số tiền là 1.400.000.000đồng theo Giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 để ông H làm vốn làm ăn, không có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán chậm nhất là 24 tháng kể từ ngày 27/10/2017. Đến ngày 16/11/2017, ông H có tự cam kết trả lãi hàng tháng cho bà P theo lãi suất ngân hàng nhưng không ghi rõ lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông H không trả nợ gốc

cũng như tiền lãi cho bà P. Nay nguyên đơn bà P yêu cầu cá nhân ông Dương Đạt H thanh toán một lần tổng cộng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/9/2022 là 1.802.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.400.000.000 đồng, và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày 15/9/2022, 2 năm 10 tháng 18 ngày (bà P làm tròn thành 2 năm 10 tháng 15 ngày) là 402.500.000 đồng.

Xét thấy, căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 27/10/2017 cho thấy ông Dương Đạt H có vay của bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 1.400.000.000 đồng. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn ông Dương Đạt H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Bị đơn không đến Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình và cũng không có ý kiến phản đối cũng như chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2]- Về tiền lãi:

[2.1]- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Dương Đạt H trả tiền lãi trong thời hạn vay từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019 nên Hội đồng xét xử không tiếp tục đề cập giải quyết.

[2.1] -Theo Giấy mượn tiền ngày 27/10/2017, giữa bà P và ông H không có thỏa thuận lãi suất, ông H cam kết trả cho bà một lần trong thời hạn chậm nhất là 24 tháng kể từ ngày 27/10/2017. Đến ngày 16/11/2017, ông H bằng ý chí cá nhân có ghi cam kết sẽ trả tiền lãi hàng tháng nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất, hơn nữa bà P trình bày từ khi vay ngày 27/10/2017 đến nay ông H không có trả tiền gốc và lãi. Ngoài ra trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà P không yêu cầu ông H trả tiền lãi trong thời hạn vay từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn không tính lãi.

Tại phiên tòa bà P yêu cầu ông H trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 1.400.000.000 đồng với thời gian từ ngày 28/10/2019 đến ngày 15/9/2022, 2 năm 10 tháng 18 ngày (bà P làm tròn thành 2 năm 10 tháng 15 ngày) là: 402.500.000 đồng. Việc bà P tự nguyện làm tròn thời gian tính lãi chậm trả thành 2 năm 10 tháng 15 ngày là có lợi cho bị đơn và yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Dương Đạt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền vốn vay, lãi suất còn

thiếu 1.802.500.000đồng là: 36.000.000 + 3%(1.802.500.000đ – 800.000.000đ)= 66.075.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích P thuộc trường hợp người khuyết tật theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp tạm ứng án phí. Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điều 184, điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Dương Đạt H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích P tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là 1.802.500.000đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.400.000.000đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), tiền lãi chậm trả là 402.500.00đồng (bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Dương Đạt H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Dương Đạt H trả tiền lãi trong thời hạn vay tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết L (Nguyễn Hoa L) cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông Dương Đạt H.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Đạt H phải chịu 66.075.000đồng (sáu mươi sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị Bích P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Phúc Trường**